

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 14/3/2023
V/v: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H.N**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : **Bà Tôn Thị Xuân Thủy**

Các Thẩm phán: **Ông Trịnh Đăng Huân**

Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Việt Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố H.N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H.N tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H.N, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2023/LHPT-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXPT-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐ-PT ngày 21/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H.B.H, sinh năm: 1991 (Có mặt).

ĐKKHKT: P102, Nhà F4, TT C.S.S.V, Số 41 K.Đ, phường T.Đ, Thành phố H.N.

- Bị đơn : Anh N.N.T, sinh năm : 1990 (Có mặt).

ĐKKHKT và cư trú: Số 93 N.Q, phường N.Q, Thị xã S.T, Thành phố H.N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là: Luật sư N.T.H và Luật sư N.M.H - Văn phòng luật sư T.V - Đoàn luật sư TP H.N(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo hồ sơ vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn chị H.B.H trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N.N.T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 04/2/2016 tại Ủy ban nhân dân phường T.Đ, Quận T.X, Tp. H.N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói

chung dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Từ Tháng 4 năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung : Chị và anh T có 01 con chung là N.H.T.T, sinh ngày 09/9/2016. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại chị làm kế toán thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung : Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh N.N.T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 04/2/2016 tại Ủy ban nhân dân phường T.Đ, Quận T.X, Tp. H.N. Vợ chồng mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, không có lòng tin trong hôn nhân, do vậy khó chia sẻ được mọi vấn đề trong cuộc sống. Nay chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là N.H.T.T, sinh ngày 09/9/2016. Hiện đang ở với anh và ông bà nội. Ly hôn, anh xin nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại anh đang làm tại Công ty TNHH tư vấn và xây dựng P.C, thu nhập trung bình 16.000.000 đồng /01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Với nội dung như trên, tại Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ - ST ngày 30-11-2022 của Tòa án nhân dân Thị Xã S.T đã xử Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 33; 38; 59; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 209; 213; 219 bộ luật dân sự năm 2015. Xử: **Về hôn nhân:** Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị H.B.H. Chị H.B.H được ly hôn với anh N.N.T.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu N.H.T.T sinh ngày 09/9/2016 cho chị H.B.H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh N.N.T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N.N.T đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân thị xã S.T còn giải quyết về án phí và xác định quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

* Sau khi Tòa án nhân dân Thị xã S.T xét xử sơ thẩm:

Ngày 09-12-2022 anh N.N.T nộp đơn kháng cáo với nội dung:

Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố H.N xét xử xem xét lại về việc anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên phúc thẩm:

- Bị đơn: Anh N.N.T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.N phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết vụ án. Đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm xác định là phù hợp nên không căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh N.N.T. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của kiểm sát viên và đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên.

[1] Về tố tụng:

Anh N.N.T có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/11/2022, nộp đơn kháng cáo ngày 09/12/2022 và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được coi là kháng cáo hợp lệ.

[2].Tòa án nhân dân Thị xã S.T, xác định tranh chấp Hôn nhân & Gia đình và giải quyết đúng thẩm quyền cũng như thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

[3]. Nội dung kháng cáo của Anh N.N.T về phần giao nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh chỉ kháng cáo đề nghị được giao nuôi con chung.

Việc quyết định giao con chung cho bố hay mẹ nuôi dưỡng xuất phát từ quyền lợi của con chung, cũng như việc chứng minh thu nhập và nơi ăn ở của anh chị, thấy rằng : Cả chị H và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định. Điều kiện chăm sóc của hai bên là ngang nhau. Tuy nhiên cháu T là con gái nếu được mẹ chăm sóc là tốt nhất để đảm bảo được sự phát triển về thể chất cũng như tâm sinh lý. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung cần giao cháu T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và không đề nghị hội đồng xét xử xem xét việc cấp dưỡng nuôi con của anh T nên cấp sơ thẩm đã quyết định tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có đơn yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác là có căn cứ. Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình giao con chung là cháu N.H.T.T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc là phù hợp.

[4]. Do y án sơ thẩm nên anh N.N.T phải chịu án phí Hôn nhân & Gia đình phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử: I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N.N.T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 41 /2022/HNGĐ-ST ngày 30/11/2022 của tòa án nhân dân Thị xã S.T cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị H.B.H. Chị H.B.H được ly hôn với anh N.N.T.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là N.H.T.T sinh ngày 09/9/2016 cho chị H.B.H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18

tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh N.N.T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N.N.T đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Án phí sơ thẩm: Chị H.B.H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0056534 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S.T, Thành phố H.N.

II. Án phí phúc thẩm: Anh N.N.T phải chịu án phí Hôn nhân & Gia đình phúc thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020 0056570 ngày 09-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã S.T, thành phố H.N.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 14-3-2022./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H.N;
- Chi cục THA dân sự TX S.T; TP H.N;
- TAND TX S.T
- Lưu: Văn Phòng, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔN THỊ XUÂN THỦY